

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CÁI RĂNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **75/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 15/8/2024

V/v tranh chấp: *Xin ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thái Mỹ Nhung**

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Hồ Thị Công Dung**.

2/ Ông **Nguyễn Thanh Tùng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nhâm Thị Thanh Trang**, Thư ký Tòa án nhân dân quận Cái Răng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cái Răng tham gia phiên tòa: Ông **Tô Minh Phú** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cái Răng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024. Về tranh chấp "*Xin ly hôn*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 256/2024/QĐXX-ST ngày 25 tháng 7 năm 2024. Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Mỹ H**, sinh năm 1990; Địa chỉ: 568, tổ 13, Khu vực 2, Phường H P, Quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Số điện thoại: 0975 221 575. Có đơn đề ngày 08/7/2024 xin giải quyết vắng mặt (BL 46).

- Bị đơn: Ông **Trương Anh D**, sinh năm 1983; Địa chỉ: 568, tổ 13, Khu vực 2, Phường H P, Quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 22/5/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

1/ Về hôn nhân: bà và ông Trương Anh D tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2013. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Phú Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 133/2013 ngày 19/12/2013. Chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, cuộc sống không hạnh phúc. Cả hai đã ly thân nhiều năm. Do mâu thuẫn

đã trầm trọng, không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trương Anh D.

2/ Về con chung: bà Nguyễn Thị Mỹ H khai vợ chồng có 02 con chung tên Trương Nguyễn Anh Dũng (nam) sinh ngày 12/10/2014 và Trương Nguyễn Anh Hùng (nam) sinh ngày 05/02/2018. Nguyên đơn có nguyện vọng được nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông Trương Anh D cấp dưỡng.

3/ Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, bị đơn ông Trương Anh D đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không rõ lý do. Vì thế Tòa án không tiến hành hòa giải được. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nên vụ án được đưa ra xét xử công khai vắng mặt các bên.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: là phù hợp quy định pháp luật, không phát hiện vi phạm.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho bà Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn với ông Trương Anh D.

Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Trương Anh D xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nên được xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, thuộc phạm vi điều chỉnh của luật hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Nhận thấy cuộc sống chung của hai vợ chồng đã có thời gian hạnh phúc, đã có 02 con chung với nhau. Lẽ ra cả hai phải càng hiểu và quan tâm đến nhau nhiều hơn. Nhưng ông Anh D lại không quan tâm đến gia đình và các con, không thiện chí hàn gắn khi có rạn nứt trong quan hệ vợ chồng. Thậm chí khi bà H có đơn xin ly hôn tại tòa án ông vẫn không quan tâm, không liên hệ với Tòa án để trình bày ý kiến của mình. Qua xác nhận của Công an phường Hưng Phú ngày 05/6/2024 (BL 35) thì ông Anh D có đăng ký thường trú tại địa phương nhưng bỏ đi từ năm 2021. Tòa án đã triệu tập hòa giải vào các ngày 17/6/2024 và ngày 08/7/2024 (BL 37 và 44); triệu tập tham gia phiên tòa vào các ngày 25/7/2024 và ngày 15/8/2024 (BL 47 và 54) thậm chí nhắn tin tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng ông Anh D vẫn không liên hệ với Tòa án để giải quyết vụ kiện. Chứng tỏ ông không có thiện chí muốn duy trì cuộc hôn nhân này với bà H nữa.

[3] Mặc dù đã được động viên hàn gắn đoàn tụ nhưng bà H cho rằng giữa vợ chồng không hòa hợp về tính cách nên thường gây gổ, ông Anh D không

quan tâm đến gia đình và các con, không có thiện chí hàn gắn. Bản thân bà cũng không còn tình cảm gì với ông Anh D, không còn tha thiết muốn duy trì cuộc hôn nhân này nữa. Hội đồng xét xử nhận thấy đời sống chung thực tế của hai vợ chồng bà H và ông D đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân của hai người không đạt được. Và hôn nhân thì phải xuất phát từ sự tự nguyện của cả hai người. Nên việc bà Nguyễn Thị Mỹ H xin được ly hôn là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: nguyên đơn xác định vợ chồng có 02 con chung tên Trương Nguyễn Anh D1 (nam) sinh ngày 12/10/2014 và Trương Nguyễn Anh H1 (nam) sinh ngày 05/02/2018, cả 02 cháu đang sống với nguyên đơn. Cháu Trương Nguyễn Anh D1 có nguyện vọng tiếp tục được sống với mẹ. Riêng cháu Trương Nguyễn Anh H thì mới hơn 6 tuổi nên không lấy ý kiến cháu được. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không liên hệ tòa án và không thể hiện ý kiến gì về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không thể giao con cho đương sự vắng mặt được. Xét trong thời gian vợ chồng ly thân, hiện nay cả 02 cháu do bà H nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt, phù hợp với giới tính và tâm sinh lý của các cháu, theo Điều 58 và 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014, có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của bà Nguyễn Thị Mỹ H là giao con cho bà tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung.

Tuy nhiên ông Trương Anh D vẫn được quyền tới lui thăm con theo qui định của pháp luật.

[5] Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: mặc dù đã được giải thích vấn đề cấp dưỡng là quyền lợi của con chung chứ không phải của người nuôi con nhưng bà H vẫn không yêu cầu. Xét đây là tự nguyện thỏa thuận của đương sự, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên chấp nhận. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không được đặt ra giải quyết do đương sự không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn xác định không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không điều chỉnh. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được tách ra giải quyết thành vụ kiện khác theo qui định của pháp luật.

[7] Về án phí: nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo qui định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.
- Điều 28, 35, 147, **228**, 235, 264, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/- Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Cho bà **Nguyễn Thị Mỹ H** được ly hôn với ông **Trương Anh D**.

2/- Về con chung:

- Giao 02 cháu **Trương Nguyễn Anh D1** (nam) sinh ngày 12/10/2014 và **Trương Nguyễn Anh H** (nam) sinh ngày 05/02/2018 cho bà Nguyễn Thị Mỹ H tiếp tục nuôi dưỡng.

- Không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Trương Anh D.

- Dành quyền thăm nom con chung cho ông Trương Anh D theo qui định của pháp luật.

3/- Về tài sản chung: Không có nên không điều chỉnh. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4/- Về nợ chung: Không có nên không điều chỉnh. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

5/- Về án phí: bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003485 ngày 28/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự Q. Cái Răng. Bà H đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã, phường nơi cư trú thì các đương sự được quyền kháng cáo để xin xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TAND. TP/ Cần Thơ.
- VKSND.Q.Cái Răng.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA

Thái Mỹ Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Mỹ Nhung

